SAO Y
Sở Tài nguyên - Môi trường
Thời gian ký: 04/03/2022 14:23:39 +07:00

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC **SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 26 /BC - STNMT	*Bình Phước, ngày 04 tháng 3 năm 2022*

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021

Thực hiện Công văn số 377/UBND-TH ngày 25/02/2022 của Sở UBND tỉnh về việc giám sát chuyên đề thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021 trên địa bàn tỉnh.

Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo tình hình, kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021 của đơn vị, cụ thể như sau:

I. VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ GIAI ĐOẠN 2016-2021

1. Khái quát về đơn vị

a) Vị trí

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh. Sở chịu sự chỉ đạo, quản lý, điều hành của UBND tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Sở có trụ sở làm việc; có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, được dự toán kinh phí để thực hiện theo quy định của pháp luật.

b) Chức năng

Sở có chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường gồm: đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ; viễn thám; quản lý và tổ chức thực hiện các dịch vụ công về các lĩnh vực thuộc phạm vi của Sở.

2. Tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về THTK, CLP

Sở Tài nguyên và Môi trường đã chỉ đạo các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc thực hiện tốt công tác tuyên truyền, triển khai chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về công tác THTK, CLP trong lĩnh vực tài chính cũng như chuyên ngành, cụ thể:

- Luật Ngân sách; Luật phòng chống tham nhũng; Luật THTK, CLP; Luật Quản lý sử dụng tài sản công; Luật đất đai, Luật Tài nguyên nước, Luật khoáng sản, Luật môi trường… và các Văn bản dưới luật…

- Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi

tiết một số điều của Luật THTK, CLP;

- Hàng năm Sở Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và Quy chế quản lý tài sản công được thông qua tại Hội nghị cán bộ công chức.

- Thực hiện mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác văn phòng đúng theo định mức tại Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, dịnh mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan Nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập và Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 13/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị. Trong quá trình thực hiện mua sắmtrang thiết bị thực hiện đúng theo Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết về việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức trính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổchức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân;

- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Thủ tướng chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

- Thực hiện Chương trình số 96/CTr-UBND ngày 23/3/2021 của UBND tỉnh Bình Phước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021.

II. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Hàng năm Sở tổ chức Hội nghị cán bộ công chức và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công. Trong đó nêu rõ nhiệm vụ, giải pháp để đạt mục tiêu tiết kiệm, chống lãng phí.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra chặt chẽ việc sử dụng các thiết bị điện như: máy lạnh, quạt, máy vi tính, máy photocopy, máy in, bóng đèn,... Không sử dụng điện trong các trường hợp không cần thiết, đặc biệt thường xuyên theo dõi, tắt các thiết bị điện như máy lạnh, quạt và đèn nhà ở tập thể khi không sử dụng để tránh lãng phí.

- Khi ra khỏi phòng phải tắt tất cả các thiết bị điện, hạn chế việc sử dụng máy lạnh trong mùa mưa. Phải tắt máy lạnh trước khi ra khỏi phòng 15 phút.

- Bảo vệ cơ quan và CC, VC và người lao động thường xuyên theo dõi và mở-tắt các đèn công cộng theo thời gian quy định (đặc biệt là đèn bảo vệ ngoài trời, đèn hành lang của cơ quan). Khi hết giờ làm việc, nếu phát hiện phòng làm việc nào chưa tắt các thiết bị điện phải yêu cầu quay lại phòng làm việc để tắt các thiết bị điện, đồng thời báo cho Văn phòng Sở biết để báo cáo lãnh đạo.

- Sử dụng nước sinh hoạt phải hợp lý, tiết kiệm. Chú ý phải khóa kỹ các vòi nước. Thường xuyên kiểm tra đường ống nước tránh hiện tượng rò rỉ đường ống làm thất thoát nước gây lãng phí.

- Nhiên liệu: Tất cả công chức và người lao động phải chấp hành nghiêm túc việc sử dụng xe ô tô trong công tác theo đúng quy định. Có sự cân nhắc kỹ khi điều xe đi công tác, đảm bảo đúng đối tượng và hiệu quả công việc. Đối với công chức sử dụng xe máy cá nhân đi công tác sẽ được cấp nhiên liệu theo lộ trình thực tế.

- Cố gắng sắp xếp, kết hợp sử dụng xe ô tô đi công tác để giải quyết nhiều việc để tiết kiệm nhiên liệu.

- Việc sử dụng văn phòng phẩm phải tiết kiệm, các phòng, các đơn vị chuyên môn lập dự trù vật tư văn phòng sử dụng trong quý gửi về Văn phòng Sở để tổng hợp, trình Giám đốc cho trang bị.

III. THTK,CLP TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN NHÀ NƯỚC

1. Mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước

- Xây dựng và thực hiện tốt Quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý sử dụng tài sản công.

- Việc đầu tư mua sắm tài sản nhà nước theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về đấu thầu, mua sắm thường xuyên; đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả theo đúng tiêu chuẩn, định mức được Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh phê duyệt. Tài sản sau khi mua sắm được hạch toán, báo cáo và quản lý, sử dụng theo đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

- Việc mua sắm, sử dụng sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc của cơ quan theo đúng các quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 30/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định tiêu chuẩn, định mức, sử dụng máy móc thiết bị và Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

- THTK, CLP trong việc quản lý và sử dụng xe ô tô: Việc quản lý và sử dụng xe được thực hiện đúng theo pháp luật hiện hành và Quy chế quản lý sử dụng xe ô tô của cơ quan, đơn vị.

- THTK, CLP trong mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện thông tin liên lạc: Thực hiện tốt THTK, CLP trong mua sắm, trang bị, quản lý,sử dụng phương tiện thông tin liên lạc.

- Thực hiện theo Quyết định số 78/2001/QĐ-TTg ngày 16/5/2001; Quyết định số 179/2002/QĐ-TTg ngày 16/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản số 17/VBHN-BTC ngày 04/3/2014 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với lãnh đạo trong các cơ quan hành chính sự nghiệp, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị xã hội. Các đối tượng được trang bị điện thoại, quản lý và sử dụng điện thoại, kinh phí sử dụng đều được quy định cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị.

2. Quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; nhà, đất công vụ; công trình phúc lợi công cộng

- THTK, CLP trong Quản lý, sử dụng trụ sở làm việc:Triển khai thực hiện nghiêm các quy định về quản lý tài sản nhà nước theo quy định. Diện tích phòng làm việc của Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị trực thuộc được sử dụng

đúng mục đích, đúng đối tượng, phát huy được công năng sử dụng, phục vụ có hiệu quả công việc chuyên môn.

- THTK, CLP trong quản lý, sử dụng tiết kiệm điện: Thực hiện tốt Quy chế quản lý sử dụng tài sản công, Kế hoạch, Phương án sử dụng, tiết kiệm điện. Triển khai công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, người lao động trong cơ quan có ý thức tốt trong việc sử dụng tiết kiệm điện là việc làm thường xuyên, liên tục và thực sự hiệu quả.

3. Quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước của cơ quan, đơn vị được giao quản lý.

Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Phước là tổ chức tài chính Nhà nước trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường và được thành lập theo Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 28/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước và hoạt động của Quỹ không vì mục đích lợi nhuận.

Về tài chính: năm 2017, nguồn kinh phí hoạt động của Quỹ do ngân sách tỉnh cấp và từ năm 2018 Quỹ tự chủ 100% về kinh phí hoạt động thường xuyên. Quỹ Bảo vệ môi trường hiện nay giữ 51,168 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn điều lệ từ nguồn NSNN cấp trong 05 năm là 10 tỷ đồng, nguồn bổ sung vốn điều lệ trích từ lợi nhuận sau thuế hàng năm là 557 triệu đồng;

- Tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường là 40,611 tỷ đồng.

Hoạt động chuyên môn: với chức năng, nhiệm vụ là tiếp nhận vốn của ngân sách, vốn tài trợ, viện trợ, huy động vốn từ các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật để hỗ trợ tài chính cho các tổ chức, cá nhân có các chương trình, dự án, hoạt động về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; Tiếp nhận, quản lý nguồn vốn ủy thác từ các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động theo hợp đồng ủy thác; Tiếp nhận ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản của các tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh và các loại hình ký quỹ khác theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, từ khi Quỹ hoạt động đến nay đơn vị chỉ thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản từ nguồn ký quỹ tạm giữa tại Ngân hàng BIDV và thu mới hàng năm từ các tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh, công tác hỗ trợ tài chính cho các tổ chức, cá nhân có các chương trình, dự án, hoạt động về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh chưa thực hiện do nguồn vốn ít, không đảm bảo nhu cầu vay của doanh nghiệp.

IV. QUẢN LÝ, SỬ DỤNG LAO ĐỘNG, THỜI GIAN LAO ĐỘNG TRONG KHU VỰC NHÀ NƯỚC

Việc quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động luôn đảm bảo theo đúng pháp luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức, Bộ luật lao động. Đơn vị đã ban hành nội quy, quy chế làm việc đảm bảo cho người lao động chấp hành và thực hiện theo đúng quy định.

Việc sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và giải quyết chế độ, chính sách đối với những người dôi dư: Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý được sắp xếp, bố trí đảm bảo hợp lý theo quy định và theo vị trí việc làm. Đội ngũ cán bộ sau khi sắp xếp được bố trí lại phù hợp với vị trí việc làm.

Xây dựng và thực hiện tốt nội quy, quy chế làm việc của cơ quan; phân công trách nhiệm cụ thể đối với từng cán bộ, công chức, viên chức trong toàn đơn vị.

Thường xuyên quán triệt tới toàn thể Đảng viên, cán bộ, công chức, người lao động toàn ngành thực hiện nghiêm túc các quy định Luật cán bộ công chức; Luật lao động; Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp;Chỉ thị số 25-CT/TU ngày 18/12/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nêu cao trách nhiệm, chấn chỉnh tác phong của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các quy định, quy chế quy chế làm việc của cơ quan.

Nâng cao năng lực, kỷ luật, đạo đức, thái độ thực thi pháp luật, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức và trách nhiệm thi hành công vụ củacán bộ, công chức, viên chức.

V. QUẢN LÝ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN

1. Đối với công tác quản lý, sử dụng đất:

Có biểu chi tiết kèm theo.

2.1. Việc ban hành và thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu THTK, CLP; việc thực hiện các kế hoạch, biện pháp để thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu THTK, CLP trong quản lý, sử dụng đất.

- UBND tỉnh Bình Phước đã tăng cường công tác chỉ đạo tuyên truyền, giáo dục việc thực hiện Luật Đất đai, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; UBND tỉnh đã ban hành các văn bản quy định cụ thể hoá việc duyệt, giao quỹ đất đầu tư xây dựng cơ bản cho các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh, ban hành các quy định và chính sách về giá đất hàng năm, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho phù hợp với thực tiễn ở địa phương; Sở Tài nguyên và Môi trường cũng đã hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và UBND cấp huyện, xã đã coi trọng và chủ động xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai, đa số các đơn vị được giao đất, cho thuê đất đã đưa vào sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả và tiết kiệm đất, tạo điều kiện thuận lợi cho môi trường đầu tư phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội, tạo bước chuyển mới trong việc sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả và nâng cao nhận thức trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quan quản lý nhà nước, của người sử dụng đất, hạn chế tối đa việc khiếu nại, tố cáo nhất là trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng.

- Để tiếp tục thực hiện việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng đất, vấn đề đặt ra là các cấp uỷ, chính quyền cần tiếp tục quán triệt sâu sắc Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phổ biến tuyên truyền Luật Đất đai 2013 đến toàn thể cán bộ, đảng viên, nhân dân và các tổ chức được giao đất nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của

mình trong việc sử dụng tài nguyên đất đai. Cơ quan Nhà nước các cấp cần quan tâm bố trí nguồn lực tài chính, tập trung cho các dự án trọng điểm, tránh dàn chải, đồng thời soát xét lại quy mô, hiệu quả, năng lực tài chính của các chủ dự án. Đề cao vai trò giám sát của HĐND, Mặt trận tổ quốc, Uỷ ban kiểm tra và các đoàn thể nhân dân, đầu tư cho công tác thanh tra, kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm nhằm thực hiện tốt việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thời gian tới.

2.2. Công tác quy hoạch sử dụng đất.

* Cấp tỉnh:

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) tỉnh Bình Phước được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết 149/NQ-CP ngày 13/12/2018.

* Cấp huyện:

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 cấp huyện đã được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt, cụ thể như sau:

STT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Quyết định phê duyệt	Quyết định điều chỉnh
1	Thị xã Đồng Xoài	QĐ số 1501/QĐ-UBND ngày 06/7/2020	QĐ 2433/QĐ-UBND ngày 28/9/2020
2	Huyện Đồng Phú	QĐ số 1526/QĐ-UBND ngày 08/7/2020	QĐ 2556/QĐ-UBND ngày 13/10/2020
3	Huyện Bù Đăng	QĐ số 1514/QĐ-UBND ngày 07/7/2020	QĐ 2573/QĐ-UBND ngày 15/10/2020
4	TX. Phước Long	QĐ số 1555/QĐ-UBND ngày 10/7/2020	QĐ 2572/QĐ-UBND ngày 15/10/2020
5	Huyện Chơn Thành	QĐ số 1606/QĐ-UBND ngày 16/7/2020	QĐ 2571/QĐ-UBND ngày 15/10/2020
6	Huyện Hớn Quản	QĐ số 1718/QĐ-UBND ngày 28/7/2020	QĐ 2358/QĐ-UBND ngày 23/9/2020
7	TX. Bình Long	QĐ số 1500/QĐ-UBND ngày 06/7/2020	QĐ 3007/QĐ-UBND ngày 30/11/2020
8	Huyện Bù Đốp	QĐ số 1499/QĐ-UBND ngày 06/7/2020	QĐ 2822/QĐ-UBND ngày 11/11/2020
9	Huyện Lộc Ninh	QĐ số 1663/QĐ-UBND ngày 21/7/2020	QĐ 2696/QĐ-UBND ngày 29/10/2020
10	Huyện Bù Gia Mập	QĐ số 1593/QĐ-UBND ngày 15/7/2020	QĐ 2657/QĐ-UBND ngày 29/10/2020
11	Huyện Phú Riềng	QĐ số 1480/QĐ-UBND ngày 02/7/2020	QĐ 2459/QĐ-UBND ngày 30/9/2020

2.3. Việc quản lý, sử dụng đất nông, lâm trường, đất dịch vụ và chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Báo cáo chi tiết thông tin, số liệu các tỉnh, thành phố, doanh nghiệp quản lý diện tích đất này; làm rõ diện tích đất các nông lâm trường giữ lại; diện tích đã giao, chưa bàn giao cho địa phương; cụ thể diện tích đất địa phương nhận bàn giao đã có quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; diện tích

đất đã nhận nhưng chưa có kế hoạch sử dụng...; việc bố trí kinh phí cho việc đo vẽ, lập bản đồ địa chính bố trí cho các địa phương đối với đất nông, lâm trường.

Để tổ chức quản lý, sử dụng đất nông, lâm trường, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh phê duyệt Dự án: Xác định ranh giới, cắm mốc ranh giới; đo chỉnh lý bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Phước tại Quyết định số 1555/QĐ-UBND ngày 30/6/2016.

Dự án được thực hiện trên đất 03 Công ty quản lý, sử dụng: Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước, Công ty TNHH MTV Cao su Phước Long và Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé (Hiện nay, Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước, Công ty TNHH MTV Cao su Phước Long sáp nhập thành Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước; Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé thực hiện cổ phần hoá thành Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé) tại 28 xã, thuộc các huyện Bù Đăng, Đồng Phú, Bù Gia Mập, Bù Đốp. Đến nay Dự án xác định ranh giới, cắm mốc ranh giới, đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính, cấp GCNQSD đất của các công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh đã hoàn thành; Cụ thể như sau:

*** Công ty TNHH MTV cao su Bình Phước**

a) Diện tích đất trước khi sắp xếp:

- Tổng diện tích quản lý : 23.881,09 ha. Cụ thể như sau:

+ Đất nông nghiệp: 23.859,64 ha, trong đó: Đất sản xuất nông nghiệp: 3.651,20 ha; Đất lâm nghiệp: 20.208,44 ha.

+ Đất phi nông nghiệp: 21,45 ha, trong đó: Đất xây dựng trụ sở: 2.91 ha; Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thương mại: 16,77 ha

b) Diện tích đất Công ty đã bàn giao về cho địa phương quản lý:

Diện tích đất Công ty đã bàn giao về cho địa phương quản lý là 16.580,89 ha. Diện tich này giao cho các đơn vị sau: Quỹ An sinh xã hội, Hạt kiểm lâm Đồng Phú, UBND huyện Bù Gia Mập.

c) Diện tích đất sau khi sắp xếp như sau:

- Tổng diện tích quản lý : 7.300,20 ha. Cụ thể như sau:

+ Đất nông nghiệp: 7.280,52 ha, trong đó: Đất sản xuất nông nghiệp: 3.421,44 ha; Đất lâm nghiệp: 3.859,08 ha.

+ Đất phi nông nghiệp: 19,68 ha, trong đó:Đất xây dựng trụ sở: 2.91 ha; Đất cơ sở SX, KD, dịch vụ thương mại:16.77 ha.

*** Công ty Cổ phần cao su Sông Bé**

a) Diện tích đất trước khi sắp xếp như sau:

Tổng diện tích đất 23.205,7 ha. Trong đó:

- Diện tích đất đã được cho thuê và cấp GCNQSD đất: 2.181,1 ha.

+ Diện tích Nhà nước cho thuê trả tiền hàng năm: 1.409,2 ha.

+ Diện tích Nhà nước cho thuê trả tiền một lần: 771,9 ha.

- Diện tích Công ty đang quản lý, sử dụng nhưng chưa được cấp GCNQSD đất: 21.024,6 ha.

b) Diện tích đất Công ty đã bàn giao về cho địa phương quản lý:

Diện tích giao về địa phương 17.793,2 ha, bao gồm:

- Đất nông nghiệp: 893,5 ha;

- Đất rừng sản xuất (gồm rừng tự nhiên và rừng trồng): 14.096,9 ha;

- Đất rừng phòng hộ 2.802,8 ha.

Toàn bộ diện tích bàn giao về địa phương là diện tích đất rừng tự nhiên, diện tích đã giao khoán hoặc đang liên doanh liên kết và đất bị lấn chiếm. Hầu hết những diện tích này đã được UBND tỉnh thu hồi giao cho các đơn vị kinh tế, an ninh quốc phòng, địa phương và các dự án thuê đất, liên doanh liên kết để trồng cây công nghiệp dài ngày.

c) Diện tích đất sau khi sắp xếp như sau:

Diện tích sau khi sắp xếp là 5.412,5 ha gồm:

- Đất nông nghiệp đã được Nhà nước cho thuê trả tiền một lần và cấp GCNQSD đất: 771,9 ha.

- Đất nông nghiệp đã được Nhà nước cho thuê trả tiền hàng năm và Cấp GCNQSD đất: 1145,0 ha.

- Đất nông nghiệp được giao quản lý chưa cấp GCNQSD đất: 3.495,6 ha.

Bên cạnh đó, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt Đề án Tăng cường Quản lý đất đai có nguồn gốc từ các nông, Lâm trường quốc doanh hiện do các công ty nông, lâm nghiệp không thuộc diện sắp xếp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP, ban quản lý rừng và các tổ chức sự nghiệp khác, Hộ gia đình cá nhân sử dụng tại Quyết định số 790/QĐ-UBND ngày 16/4/2020. Hiện nay đang triển khai lập thiết kế kỹ thuật dự toán cụ thể cho các hạng mục trong Đề án.

2. Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước

- Tính đến ngày 10/01/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh cấp 27 Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt và 215 Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất.

- Việc tuân thủ các nguyên tắc, các quy định về khai thác, sử dụng tài nguyên nước: đối với những khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung và dịch vụ cấp nước bảo đảm đáp ứng yêu cầu chất lượng, số lượng, Sở Tài nguyên và Môi trường không tham mưu cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo khoản 4, Điều 52 Luật tài nguyên nước ngày 21/6/2012, Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 11/01/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 và Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 24/5/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Danh mục vùng hạn

chế khai thác nước dưới đất và Danh mục khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Sở Tài nguyên và Môi trường đã đề nghị các doanh nghiệp tại Khu công nghiệp Chơn Thành, Khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc thực hiện đấu nối, sử dụng nước hệ thống cấp nước tập trung. Đồng thời, các doanh nghiệp tại Khu công nghiệp Chơn Thành, Khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc đã thực hiện trám lấp các giếng khoan không sử dụng.

3. Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bình Phước có 46 giấy phép khai thác khoáng sản, trong đó Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp 07 giấy phép (Trong đó: Đá vôi 01 giấy phép, Puzơlan 01 giấy phép, cao lanh 05 giấy phép), UBND tỉnh Bình Phước cấp 39 giấy phép (trong đó: đá xây dựng 32 giấy phép, sét gạch ngói: 04 giấy phép, cát xây dựng 01 giấy phép, than bùn 01 giấy phép, vật liệu san lấp 01 giấy phép).

Việc cấp phép hoạt động khoáng sản phù hợp với Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 47/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017.

VI. CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA, GIÁM SÁT, KIỂM TOÁN, XỬ LÝ VI PHẠM TRONG THTK, CLP TẠI SỞ

- Số vụ việc lãng phí đã phát hiện: 0 vụ
- Số vụ việc đã được xử lý: 0 vụ
- Số người vi phạm và hình thức xử lý: 0 người

VII. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Giai đoạn 2016-2021 dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường đã chủ động triển khai tuyên truyền, quán triệt và tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản để triển khai công tác THTK, CLP đảm bảo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước. Việc quản lý, sử dụng các nguồn: tài nguyên đất đai, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước, các nguồn kinh phí được giao thực hiện hiệu quả, tiết kiệm; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào việc thực hiện quản lý chuyên ngành đã đạt kết quả tốt.

1. NGUYÊN NHÂN:

Đạt được các kết quả nêu trên phần lớn do các Luật chuyên ngành và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn đã được ban hành đáp ứng tương đối đầy đủ, ứng dụng công nghệ thông tin vào việc thực hiện nhiệm vụ, hạn chế xảy ra sai xót, chồng chéo. Các thông tin liên quan đến quản lý của ngành ngày càng minh bạch, người dân dễ tiếp cận, từ đó giảm các vụ khiếu nại, khiếu kiện. Nguồn kinh phí bố trí hàng năm cho việc thực hiện công tác đo đạc bản đồ, lập bản đồ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai đã được quan tâm.

2. CÁC TỒN TẠI, HẠN CHẾ

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình tổ chức triển khai công tác THTK, CLP còn một số hạn chế như: Luật quản lý chuyên ngành và các văn bản

hướng dẫn luật đã được ban hành, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được so với thực tế. Nguồn kinh phí theo định mức giao khoán chi hành chính, bộ máy áp dụng trong thời gian dài, định mức thấp và nhu cầu chi ngày càng nhiều, giá cả có xu hướng tăng, ảnh hưởng trực tiếp đến tăng chi phí hành chính nên việc tiết kiệm nguồn để chi hoạt động phúc lợi, thu thập tăng thêm cho người lao động là rất khó khăn và không đáng kể.

Trên đây là kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016 – 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh./.

Nơi nhận:
- Đoàn Đại biểu QH;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Phạm Văn Liêm